

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 672 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch**  
**sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Động**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;*

*Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện, chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Động tại Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 và hồ sơ kèm theo; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 291/TTr-STNMT ngày 25 tháng 6 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Động với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Động trong các Phụ lục kèm theo Quyết định này gồm: Phụ lục 01. Điều chỉnh, bổ sung phân bổ diện tích các loại đất năm 2024; Phụ lục 02. Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng các loại đất năm 2024; Phụ lục 03. Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất năm 2024; Phụ lục số 04: Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất của 08 công trình, dự án thuộc Biểu 10/CH trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo bản đồ Kế hoạch sử dụng đất, Bản đồ các khu vực chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Động, tỷ lệ 1/25.000.

*(Hồ sơ kèm theo lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường)*

## **Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

### 1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo phù hợp quy định pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

b) Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Động đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024; trong thời hạn 05 (năm) ngày từ ngày ban hành Quyết định này, đăng tải toàn bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Sở;

c) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; đảm bảo nguyên tắc kịp thời, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

### 2. UBND huyện Sơn Động:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Động;

b) Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Động đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024; trong thời hạn 05 (năm) ngày từ ngày ban hành Quyết định này, đăng tải toàn bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của huyện, đồng thời tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật;

c) Thực hiện công tác quản lý đất đai, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

d) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND cấp xã;

e) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND huyện Sơn Động; UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Sơn Động và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (lưu hồ sơ);
- Huyện ủy, HĐND huyện Sơn Động;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, KTN;
- + Trung tâm thông tin (đăng tải);
- Lưu: VT, TNSN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**





STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu %	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
					Xã Tuấn Đạo	Xã An Bá	Xã An Lạc	Xã Cẩm Đàn	Xã Dương Hưu	Xã Giáo Liêm	Xã Hữu Sản	Xã Yên Định
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH										
-	Đất chợ	DCH	4,69	0,01	0,55			0,42	0,16		0,11	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL										
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH										
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,44	0,01								
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.555,77	1,81	264,56	35,63	98,39	40,11	86,67	29,03	64,77	201,05
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	466,12	0,54								
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,22	0,03	0,54	1,05	0,44	0,76	0,61	0,83	0,55	0,27
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,96	0,00								
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG										
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,94	0,01	0,61	0,44		0,22	0,19			0,28
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.134,83	1,32	180,76	74,99	118,74	60,43	102,14	19,52	14,02	128,30
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	138,94	0,16	11,64	6,51	6,61	11,49	1,96		2,32	0,71
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,58	0,00						0,06		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>490,87</b>	<b>0,57</b>	<b>19,40</b>	<b>11,96</b>	<b>72,70</b>	<b>16,93</b>	<b>58,00</b>	<b>11,99</b>		<b>30,20</b>



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Xã Tuấn Đạo	Xã An Bá	Xã An Lạc	Xã Cẩm Đàn	Xã Dương Hữu	Xã Giáo Liêm	Xã Hữu Sản	Xã Yên Định
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP									
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS									
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU									
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS									
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU									
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)									
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)									
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)									
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>									
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>0,60</b>								

Ghi chú: (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác. PKO đất phi nông nghiệp không phải là đất ở









## Phụ lục 04: Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất của 08 công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

### 4.1. Điều chỉnh diện tích các loại đất thu hồi trong phạm vi dự án

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích thu hồi theo QĐ số 318/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 (ha)				Diện tích thu hồi sau khi điều chỉnh (ha)				So sánh tăng (+), giảm (-)				Văn bản pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án (nếu có)	Địa điểm (Xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ kế hoạch SDD năm 2024			
			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất								
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất		Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		Đất rừng sản xuất	Đất khác	Đất lúa				Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Đất khác
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường đến trung tâm xã Long Sơn, huyện Sơn Động (điểm đầu nối với TL 291 tại thôn Linh Phú, xã Tuấn Đạo, điểm cuối nối với QL 279 tại xã Long Sơn)	DGT	5,33	1,63	0,50	0,60	3,20	8,25	1,63	0,50	5,60	0,52	2,92			5,00	-2,68	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2022 của HĐND tỉnh	Xã Long Sơn, Tuấn Đạo	CT-6.9
2	Công trình đường GT đoạn Tuấn Đạo, Sơn Động - Đèo Gia, Lục Ngạn (ĐH.96B) (Điểm đầu đầu nối ĐT 291 thôn Đồng Tâm, đi thôn Đào Tuấn xã Tuấn Đạo, điểm cuối thôn Công Lộc, xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn)	DGT	1,95			1,95		1,95			1,95							NQ số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Xã Tuấn Đạo	CT-6.32
3	Cải tạo. Nâng cấp đường Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	DGT	3,86				3,86	3,86			1,80	2,06				1,80	-1,80	NQ số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Xã Vĩnh An, xã Vân Sơn	CT-6.38
4	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc,	DGT	15,00	0,60	0,09		14,31	10,14	0,60	0,09	5,20	4,25	-4,86			5,20	-10,06	Nghị quyết số 29/NQ-	Xã An Lạc	CT-6.39

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích thu hồi theo QĐ số 318/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 (ha)				Diện tích thu hồi sau khi điều chỉnh (ha)				So sánh tăng (+), giảm (-)				Văn bản pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án (nếu có)	Địa điểm (Xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ kế hoạch SDD năm 2024				
			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất									
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất		Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		Đất rừng sản xuất	Đất khác	Đất lúa				Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Đất khác	
	huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang															HĐND tỉnh ngày 17/7/2023					
5	Cải tạo, nâng cấp đường BT liên xã An Bá - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động (điểm đầu: QL31 thôn Vá, xã An Bá; điểm cuối: Thôn Nghèo, xã Tuấn Đạo)	DGT	10,95	1,30			9,65	4,60	1,30		1,90	1,40	-6,35			1,90	-8,25	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/7/2023	Xã An Bá, Tuấn Đạo	CT-6.40	
6	Cải tạo, nâng cấp đường BT liên xã An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận, huyện Sơn Động (điểm đầu: Thôn Đông Tân, xã An Bá; điểm cuối: TL 293 xã Thanh Luận)	DGT	21,60	1,60			8,80	11,20	7,30	1,60			-14,30			-3,20	-11,10	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/7/2023	An Bá, Tuấn Đạo, Thanh Luận	CT-6.41	
7	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang	DGT	2,00	0,71			0,35	1,23	2,00	0,71						0,75	-1,04	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/7/2023	Giáo Liêm, Cẩm Đàn, Đại Sơn	CT-6.43	
8	Dự án quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tại chỗ thuộc thôn Sán, Dân và Dân 3, xã Hữu Sán; Tổ dân phố Mậu, Tổ dân phố Thanh Chung, thị trấn Tây Yên Tử; thôn Đông Riều, thôn Đông Mạ, thôn Bán, xã Dương Huru; thôn	ONT	6,30	3,00					6,30								3,00	-3,00	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của HDND tỉnh	Xã Hữu Sán, Dương Huru, Lệ Viễn, Giáo Liêm,	7

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích thu hồi theo QĐ số 318/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 (ha)				Diện tích thu hồi sau khi điều chỉnh (ha)				So sánh tăng (+), giảm (-)				Văn bản pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án (nếu có)	Địa điểm (Xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ kế hoạch SDD năm 2024	
			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất						
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất		Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		Đất rừng sản xuất	Đất khác	Đất lúa				Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng
	Lộ, xã Lê Viễn; thôn Góc Sau, xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động																TT Tây Yên Tứ	

#### 4.2. Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trong phạm vi dự án

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích chuyển mục đích theo QĐ số 318/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 (ha)					Diện tích sau khi điều chỉnh (ha)					So sánh tăng (+), giảm (-)				Văn bản pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án (nếu có)	Địa điểm (Xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ kế hoạch SDD năm 2024	
			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất				Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất				Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất						
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Đất khác		Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Đất khác		Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất				Đất khác
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường đến trung tâm xã Long Sơn, huyện Sơn Động (điểm đầu nối với TL 291 tại thôn Linh Phú, xã Tuấn Đạo, điểm cuối nối với QL 279 tại xã Long Sơn)	DGT	8,25	1,79	0,50	0,60	5,36	8,25	1,79	0,50	5,60	0,36				5,00	-5,00	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2022 của HĐND tỉnh	Xã Long Sơn, Tuấn Đạo	CT-6.9
2	Công trình đường GT đoạn Tuấn Đạo, Sơn Động - Đèo Gia, Lục Ngạn (ĐH.96B) (Điểm đầu đầu nối ĐT 291 thôn Đông Tâm, đi thôn Đào Tuấn xã Tuấn Đạo, điểm cuối thôn Công Lộc, xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn)	DGT	3,00			3,00		3,00								-0,80	0,80	NQ số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Xã Tuấn Đạo	CT-6.32
3	Cải tạo. Nâng cấp đường Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	DGT	4,40	0,50			3,90	4,40	0,50		1,80	2,10				1,80	-1,80	NQ số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Xã Vĩnh An, xã Vân Sơn	CT-6.38

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích chuyển mục đích theo QĐ số 318/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 (ha)				Diện tích sau khi điều chỉnh (ha)				So sánh tăng (+), giảm (-)				Văn bản pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án (nếu có)	Địa điểm (Xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ kế hoạch SDD năm 2024			
			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất								
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất		Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		Đất rừng sản xuất	Đất khác	Đất lúa				Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Đất khác
																	của HĐND tỉnh			
4	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	DGT					10,14	0,60	0,09	5,20	4,25	10,14	0,60	0,09	5,20	4,25	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/7/2023	Xã An Lạc	CT-6.39	
5	Cải tạo, nâng cấp đường BT liên xã An Bá - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động (điểm đầu: QL31 thôn Vá, xã An Bá; điểm cuối: Thôn Nghèo, xã Tuấn Đạo)	DGT	10,95	1,30		9,65	4,60	1,30		1,90	1,40	-6,35			1,90	-8,25	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/7/2023	Xã An Bá, Tuấn Đạo	CT-6.40	
6	Cải tạo, nâng cấp đường BT liên xã An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận, huyện Sơn Động (điểm đầu: Thôn Đồng Tàn, xã An Bá; điểm cuối: TL 293 xã Thanh Luận)	DGT	21,60	1,60		8,80	11,20	7,30	1,60		5,60	0,10	-14,30			-3,20	-11,10	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/7/2023	An Bá, Tuấn Đạo, Thanh Luận	CT-6.41
7	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang	DGT	2,00	0,71		0,35	1,23	2,00	0,71		1,10	0,19				0,75	-1,04	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày	Giáo Liêm, Cẩm Đàn, Đại Sơn	CT-6.43



STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất quy hoạch	Diện tích chuyển mục đích theo QĐ số 318/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 (ha)				Diện tích sau khi điều chỉnh (ha)				So sánh tăng (+), giảm (-)				Văn bản pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án (nếu có)	Địa điểm (Xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ kế hoạch SDD năm 2024		
			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất							
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất		Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		Đất rừng sản xuất	Đất khác	Đất lúa				Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất
8	Dự án quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tại chỗ thuộc thôn Sân, Dàn và Dàn 3, xã Hữu Sân; Tô dân phố Mậu, Tô dân phố Thanh Chung, thị trấn Tây Yên Tử; thôn Đồng Riều, thôn Đồng Mạ, thôn Bán, xã Dương Hưu; thôn Lọ, xã Lệ Viên; thôn Góc Sau, xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động	ONT					6,30			3,00	3,30	6,30			3,00	3,30	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh	Xã Hữu Sân, Dương Hưu, Lệ Viên, Giáo Liêm, TT Tây Yên Tử	7